TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **174** /2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Lương Khoa.**
Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Thoa**.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lý Thị T,** sinh năm 1981 (*vắng mặt*).
ĐKTT: Khu phố F, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Anh **Vũ Duy Q,** sinh năm 1983 (*vắng mặt*).
ĐKTT: Khu phố F, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày: Chị và anh Q tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc. Nhưng khoảng từ năm 2020 thì anh Q thay đổi tính tình, không quan tâm đến vợ con, có tính gia trưởng, không có kế hoạch làm ăn chăm lo kinh tế gia đình. Chị đã khuyên anh Q từ bỏ những thói hư tật xấu để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng vẫn không được. Chị và anh Q đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh Q đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, do đó yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Vũ Duy K, sinh ngày 23/6/2008 và Vũ Nguyên K1, sinh ngày 29/7/2015. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng 02 con chung đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc bị đơn anh Vũ Duy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lý Thị T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Vũ Duy Q đã không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lý Thị T, chị T được ly hôn với anh Q; Về con chung: Giao con chung là Vũ Duy K, sinh ngày 23/6/2008 và Vũ Nguyên K1, sinh ngày 29/7/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Q; Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Lý Thị T có đơn khởi kiện ly hôn với anh Vũ Duy Q, do đó xác định chị T là nguyên đơn, anh Q là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Vũ Duy Q đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Q là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Vũ Duy Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tính cách, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị đã ngồi lại để nói chuyện nhằm khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng không thành. Anh Q không quan tâm đến cuộc sống của chị và các con, không chăm lo phụ giúp kinh tế, không quan tâm dạy dỗ con cái làm cho cuộc sống hôn nhân vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kèo dài. Anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, anh Q biết việc ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh Q không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung, anh Q vắng mặt không có ý kiến. Tuy nhiên, 02 con chung của chị T có nguyện vọng được sống với mẹ Vì vậy, cần thiết giao 02 con chung cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của con chung.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q vắng mặt nên không có lời trình bày, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, anh Q không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị T trình bày không có, anh Q không có lời khai, nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Lý Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Các điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 131, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T ly hôn anh Vũ Duy Q.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Duy K, sinh ngày 23/6/2008 và Vũ Nguyên K1, sinh ngày 29/7/2015 cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh Q được quyền đi lại thăm nom con chung, nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lý Thị T. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lý Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lý Thị T đã nộp theo theo biên lai thu số 0008033 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được khấu trừ vào án phí. Chị Lý Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị T, anh Vũ Duy Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H.Xuân Lộc;*
- *CCTHADS H.Xuân Lộc;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã nơi kết hôn;*
- *Lưu án văn, hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ